

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 04/2020/DS-ST

Ngày 10-6-2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Thị Cẩm Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Phương.

2. Ông Châu Vũ Hùng.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng tham gia phiên toà:
Bà Trần Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Hưng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 247/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Kim T, sinh năm: 1958; Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Long An. *(Có mặt)*

2. Bị đơn: - Anh Võ Văn C, sinh năm: 1985; Địa chỉ: Khu phố R, thị trấn H, huyện H, tỉnh Long An. *(Có mặt)*

- Chị Nguyễn Thị K, sinh năm: 1987; Địa chỉ: Ấp G, xã Đ, huyện H, tỉnh Long An. *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Huỳnh Kim T trình bày:

Ngày 28/7/2016 âm lịch (nhằm ngày 30/8/2016 dương lịch), vợ chồng chị Nguyễn Thị K và anh Võ Văn C có vay bà số tiền 100.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng và chị K viết biên nhận nợ. Thực tế, chị K vay tiền trước đó hai tháng và chị K có trả được hai tháng tiền lãi là 6.000.000 đồng nên giấy biên nhận

chị K sửa lại tháng 7. Từ khi sửa biên nhận đến nay chị K, anh C không trả nợ gốc hay lãi cho bà. Lúc vay thì không có anh C nhưng sau đó anh C biết và có hứa trả cho bà mỗi vụ mùa 50.000.000 đồng nhưng đến nay vẫn chưa trả.

Ngoài ra, vào ngày 19/10/2015 âm lịch, bà có tham gia 02 phần của dây hội 2.000.000 đồng/tháng do chị K làm đầu thảo, bà đóng được 19 lần hội sống, đến lần thứ 20 (tức ngày 19/5/2017 AL) thì chị K tuyên bố ngưng hội và hứa trả cho bà 60.000.000 đồng. Bà và chị K đã thỏa thuận, chị K giao cho bà lấy tiền hội của 02 người hội viên là ông Hà Văn U và vợ của ông Nguyễn Văn T (đã hốt hội rồi, đóng tiền hội chết), việc giao hội không làm giấy tờ. Ông Hà Văn U đã trả cho bà số tiền 24.000.000 đồng. Riêng vợ của ông Nguyễn Văn T chỉ trả cho bà được 500.000 đồng, còn lại số tiền 35.500.000 đồng chưa trả. Do chị K là chủ hội nên bà khởi kiện yêu cầu chị K và anh C phải trả cho bà số tiền nợ hội 35.500.000 đồng. Đến ngày 11/3/2020, bà nộp đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hội 35.500.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà Huỳnh Kim T yêu cầu chị Nguyễn Thị K và anh Võ Văn C phải liên đới trả cho bà T số tiền vay 100.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định Nhà nước 1.125%/tháng từ ngày 30/8/2016 đến ngày xét xử 10/6/2020 (làm tròn thành 45 tháng). Bà Huỳnh Kim T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hội 35.500.000 đồng để tự thỏa thuận với chị K và anh C.

Bị đơn chị Nguyễn Thị K trình bày:

Chị Nguyễn Thị K thừa nhận ngày 28/5/2016 âm lịch, chị và anh Võ Văn C có vay bà T số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, sau đó chị có trả cho bà T được 02 tháng tiền lãi số tiền 6.000.000 đồng nên sửa lại ngày của biên nhận thành 28/7/2016 âm lịch (nhằm ngày 30/8/2016 dương lịch), từ đó đến nay anh chị chưa trả tiền nợ gốc cũng như tiền lãi cho bà T. Khi vay anh C không có mặt nhưng sau khi nhận tiền chị có nói với anh C, anh C biết số nợ này trước khi vợ chồng ly hôn và có hứa với bà T sẽ trả nợ cho bà.

Khi chị làm đầu thảo hội, vào ngày 19/10/2015 âm lịch bà T có tham gia 02 phần hội của dây hội 2.000.000 đồng/tháng như lời trình bày trên của bà T. Đến ngày 19/5/2017 AL, chị K tuyên bố ngưng hội và hứa trả cho bà T 60.000.000 đồng và chị có giao bà T gom hội của vợ ông Nguyễn Văn T và ông Hà Văn U, khi thỏa thuận giao hội giữa chị và bà T không có làm giấy tờ gì, từ khi giao hội đến nay chị không liên quan gì đến phần hội này nữa.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị K đồng ý liên đới cùng với anh Võ Văn C trả cho bà T số tiền nợ vay 100.000.000 đồng và tiền lãi theo yêu cầu của bà T. Chị cũng đồng ý việc bà T rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hội 35.500.000 đồng, hai bên sẽ tự thỏa thuận giải quyết. Đối với số tiền lãi 6.000.000 đồng đã trả chị không yêu cầu Tòa án xem xét lại.

Bị đơn anh Võ Văn C trình bày:

Anh và chị K đã ly hôn theo quyết định số 02/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng. Khi chị K vay tiền của bà T cũng như chơi hội anh không biết. Sau khi ly hôn, anh mới biết sự việc chị K có

vay tiền và thiếu tiền hui bà T. Nay anh không đồng ý liên đới cùng chị K trả nợ vay theo yêu cầu của bà T vì nợ này chị K tự vay để chi tiêu cá nhân nên chị K có nghĩa vụ trả.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự thủ tục qui định tại Bộ luật tố tụng dân sự;

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đối với số tiền hui bà T đã rút yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với số tiền vay: Căn cứ vào giấy biên nhận nợ ngày 28/7/2016 âm lịch có chữ ký nhận tiền của chị K, chị K cũng thừa nhận vay bà T số tiền 100.000.000 đồng và đồng ý trả theo yêu cầu của bà T. Hiện nay, chị K và anh C đã ly hôn (tháng 1/2019) nhưng thời điểm chị K vay tiền của bà T hai người đang là vợ chồng chung sống, làm ăn phục vụ kinh tế gia đình. Do đó, bà Huỳnh Kim T yêu cầu chị Nguyễn Thị K và anh Võ Văn C phải liên đới trả số tiền 100.000.000 đồng và lãi suất theo quy định Nhà nước là có căn cứ xem xét theo quy định tại Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005 và Điều 27 Luật hôn nhân gia đình. Anh C không đồng ý liên đới với chị K trả số tiền 100.000.000 đồng và lãi suất theo quy định Nhà nước cho bà T là không có cơ sở. Vì thời điểm chị K vay tiền của bà T ngày 30/8/2016 thì chị K và anh C đang chung sống là vợ chồng, số tiền vay để phục vụ vào mục đích chung cho cả gia đình mà anh C thừa nhận và có hứa trả cho bà T sau khi vợ chồng làm thủ tục ly hôn xong. Cho nên, anh C cho rằng chị K vay tiền nhằm chi tiêu cá nhân là chưa đủ căn cứ xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành theo trình tự thủ tục qui định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

[1] Chứng cứ bà Huỳnh Kim T cung cấp gồm 01 giấy biên nhận đề ngày 28/7/2016 âm lịch (nhằm ngày 30/8/2016 dương lịch) có nội dung chị K hỏi bà T số tiền 100.000.000 đồng, chị K ký tên, anh C không có ký tên.

[2] Chị Nguyễn Thị K thừa nhận giấy biên nhận ngày 28/7/2016 âm lịch (nhằm ngày 30/8/2016 dương lịch) là do chính chị trực tiếp viết và ký tên cũng như nhận số tiền 100.000.000 đồng do bà T giao. Chị Nguyễn Thị K thống nhất số tiền nợ vay 100.000.000 đồng của bà Huỳnh Kim T phù hợp với chứng cứ bà T cung cấp nêu trên. Chị K đồng ý liên đới với anh C trả tiền nợ gốc và lãi theo yêu cầu của bà T. Tuy chị K và anh C đã ly hôn từ ngày 07 tháng 01 năm 2019 nhưng thời điểm chị K vay tiền của bà T, chị K và anh C đang là vợ chồng, chung sống

làm ăn phục vụ kinh tế gia đình. Cho nên, bà T yêu cầu chị K và anh C phải liên đới trả số tiền vay 100.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật 1.125%/tháng từ ngày 30/8/2016 đến ngày xét xử 10/6/2020 (làm tròn thành 45 tháng) số tiền lãi 50.625.000 đồng là có căn cứ xem xét, phù hợp với Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 27, 37 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận. Do đó, chị Nguyễn Thị K và anh Võ Văn C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Kim T số tiền 100.000.000 đồng và 50.625.000 đồng tiền lãi (số tiền 100.000.000 đồng x 1,125%/tháng x 45 tháng = 50.625.000 đồng)

[3] Anh Võ Văn C không đồng ý liên đới cùng chị K trả nợ theo yêu cầu của bà T là không có cơ sở vì: Chính anh C đã thừa nhận trong thời gian còn là vợ chồng mọi quan hệ giao dịch việc làm ăn kinh tế gia đình anh và chị K đều thực hiện, quyết định, đồng thời khi giải quyết ly hôn cũng không đề cập đến nợ chung. Sau khi vợ chồng làm thủ tục ly hôn xong anh C có hứa trả tiền cho bà T nhiều lần nhưng không thực hiện. Số tiền nợ 100.000.000 đồng này phát sinh trong thời gian anh C và chị K còn sống chung chưa ly hôn. Cho nên, anh C cho rằng chị K vay tiền nhằm chi tiêu cá nhân là không có căn cứ. Do đó, anh C phải có nghĩa vụ liên đới cùng chị K trả nợ cho bà T là phù hợp với Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 27, 37 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Bà T đã rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ hui 35.500.000 đồng, đây là sự tự nguyện của bà T, chị K và anh C cũng thống nhất và không có ý kiến. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên đình chỉ giải quyết; Bà Thiện được quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

[5] Nhận định của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí:

Chị Nguyễn Thị K và anh Võ Văn C phải có nghĩa vụ liên đới chịu 7.531.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Huỳnh Kim T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Do bà T có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí Tòa án và căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nên bà T được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 217, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 288 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận theo yêu cầu của bà Huỳnh Kim T đối với số tiền vay.

Buộc chị Nguyễn Thị K và anh Võ Văn C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Kim T số tiền 150.625.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng) (trong đó 100.00.000 đồng tiền nợ gốc và 50.625.000 đồng tiền lãi).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu về số tiền hui 35.500.000 đồng của bà Huỳnh Kim T.

Hậu quả của việc đình chỉ: Bà Huỳnh Kim T được quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị K và anh Võ Văn C phải có nghĩa vụ liên đới chịu 7.531.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Huỳnh Kim T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh/H;
- CQ THA DS;
- Các Đ/s;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

Huỳnh Thị Cẩm Nhung